

Số: 693/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 04 tháng 4 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước được thực hiện tại Trung tâm hành chính công thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 / 6 / 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn Phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ Kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26/6/2017 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 6 tuổi;

Căn cứ Quyết định số 2697/QĐ-BCT ngày 18/7/2017 của Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của UBND tỉnh Ban hành quy chế phối hợp giữa Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh với các sở, ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong về việc, công bố, cập nhật, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 380/TTr-SCT ngày 15/3/2017 và Chánh Văn phòng UBND tỉnh tại tờ trình số 653/TTr-VPUBND ngày 29/3/2018,



QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước được tiếp nhận tại Trung tâm hành chính công thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Công Thương; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KS TTHC(VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Giám đốc Sở Công Thương;
- Trung tâm Tin học – Công báo;
- LĐVP, TTTH-CB, Phòng KSTTHC;
- Lưu: VT. 8

CHỦ TỊCH *ks*



Nguyễn Văn Trầm

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LƯU THÔNG HÀNG HÓA THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 693 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

| STT | Tên thủ tục hành chính |
|--|--|
| I. Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước | |
| 1 | Tiếp nhận, Biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc đối tượng do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách gửi Biểu mẫu đăng ký giá đến Sở Công Thương |
| 2 | Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc đối tượng do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách gửi Biểu mẫu kê khai giá đến Sở Công Thương |



PHẦN II.
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

1. Tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc đối tượng do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách gửi Biểu mẫu đăng ký giá đến Sở Công Thương tỉnh Bình Phước theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm hành chính công của tỉnh.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời hạn 02 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào biểu mẫu đăng ký.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận hành chính công chuyên ngành Công Thương.

b. Cách thức thực hiện:

Tổ chức, cá nhân Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công của của tỉnh, hoặc gửi qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

(1) Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).

+ Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu đăng ký giá; Bảng đăng ký giá cụ thể và Thuyết minh cơ cấu tính giá hàng hóa, dịch vụ đăng ký giá).

(2) 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;

*** Số lượng: 02 bộ.**

d. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

đ. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa dành cho trẻ em dưới 06 tuổi do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Được mua, bán theo giá đã đăng ký.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Biểu mẫu đăng ký giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong thời gian nhà nước thực hiện bình ổn giá bằng biện pháp đăng ký giá; khi thương nhân thay đổi giá sản phẩm.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá số 11/2012/QH13;

- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

Phụ lục số 1

BIỂU MẪU ĐĂNG KÝ GIÁ

Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương
Tên đơn vị đăng ký giá **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

V/v: đăng ký giá

..., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi: (Tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá)

Thực hiện Thông tư sốngày..... của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị đăng ký) gửi Biểu mẫu đăng ký giá gồm các văn bản và nội dung sau:

1. Bảng đăng ký mức giá bán cụ thể.
2. Giải trình lý do điều chỉnh giá (trong đó có giải thích việc tính mức giá cụ thể áp dụng theo các hướng dẫn, quy định về phương pháp tính giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành)

Mức giá đăng ký này thực hiện từ ngày .../.../.....

... (tên đơn vị đăng ký) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà đơn vị đã đăng ký./.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....

- Số điện thoại liên lạc:.....

- Số fax:

**Ghi nhận ngày nộp Biểu mẫu đăng ký giá
của cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá**

1. (Cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu đăng ký giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Biểu mẫu đăng ký giá và đóng dấu công văn đến)

2. Hết thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày trên, nếu cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu không có ý kiến yêu cầu tổ chức, cá nhân không được thực hiện mức giá đăng ký mới hoặc phải giải trình về các nội dung của Biểu mẫu thì tổ chức, cá nhân được mua, bán theo mức giá đăng ký.

Tên đơn vị
thực hiện đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**
(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)
(Đối với mặt hàng nhập khẩu)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

**I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA NHẬP KHẨU
CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA**

| STT | Khoản mục chi phí | Đơn vị tính | Thành tiền | Ghi chú |
|----------|---|----------------|---------------|------------|
| A | Sản lượng nhập khẩu | | | |
| B | Giá vốn nhập khẩu | | | |
| 1 | Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF) | | | |
| 2 | Thuế nhập khẩu | | | |
| 3 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) | | | |
| 4 | Các khoản thuế, phí khác (nếu có) | | | |
| 5 | Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có) | | | |
| C | Chi phí chung | | | |
| 6 | Chi phí tài chính (nếu có) | | | |
| 7 | Chi phí bán hàng | | | |
| 8 | Chi phí quản lý | | | |
| D | Tổng chi phí | | | |
| Đ | Giá thành toàn bộ 01 (một) đơn vị sản phẩm | | | |

| | | | | |
|----------|--|--|--|--|
| E | Lợi nhuận dự kiến | | | |
| G | Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định | | | |
| H | Giá bán dự kiến | | | |

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Giá mua tại cửa khẩu Việt Nam (giá CIF)
2. Thuế nhập khẩu
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
4. Các khoản thuế, phí khác (nếu có)
5. Các khoản chi bằng tiền khác theo quy định (nếu có)
6. Chi phí tài chính (nếu có)
7. Chi phí bán hàng
8. Chi phí quản lý
9. Lợi nhuận dự kiến
10. Thuế giá trị gia tăng, thuế khác (nếu có) theo quy định
11. Giá bán dự kiến

Tên đơn vị thực hiện
đăng ký giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng.....năm

**THUYẾT MINH CƠ CẤU TÍNH GIÁ
HÀNG HÓA ĐĂNG KÝ GIÁ**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

(Đối với mặt hàng sản xuất trong nước)

Tên hàng hóa, dịch vụ:

Đơn vị sản xuất, kinh doanh:

Quy cách phẩm chất; điều kiện bán hàng hoặc giao hàng; chính sách khuyến mại, giảm giá, chiết khấu cho các đối tượng khách hàng (nếu có)

I. BẢNG TỔNG HỢP TÍNH GIÁ VỐN, GIÁ BÁN HÀNG HÓA, DỊCH VỤ

| Số TT | Khoản mục chi phí | ĐVT | lượng | Đơn giá | Thành tiền |
|----------|---|-----|-------|---------|------------|
| 1 | Chi phí sản xuất: | | | | |
| 1.1 | Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp | | | | |
| 1.2 | Chi phí nhân công trực tiếp | | | | |
| 1.3 | Chi phí sản xuất chung: | | | | |
| <i>a</i> | <i>Chi phí nhân viên phân xưởng</i> | | | | |
| <i>b</i> | <i>Chi phí vật liệu</i> | | | | |
| <i>c</i> | <i>Chi phí dụng cụ sản xuất</i> | | | | |
| <i>d</i> | <i>Chi phí khấu hao TSCĐ</i> | | | | |
| <i>đ</i> | <i>Chi phí dịch vụ mua ngoài</i> | | | | |
| <i>e</i> | <i>Chi phí bằng tiền khác</i> | | | | |
| | Tổng chi phí sản xuất : | | | | |
| 2 | Chi phí bán hàng | | | | |
| 3 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | | | | |
| 4 | Chi phí tài chính | | | | |
| | Tổng giá thành toàn bộ | | | | |
| 5 | Lợi nhuận dự kiến | | | | |
| | Giá bán chưa thuế | | | | |

| | | | | | |
|---|---------------------------------|--|--|--|--|
| 6 | Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) | | | | |
| 7 | Thuế giá trị gia tăng (nếu có) | | | | |
| | Giá bán (đã có thuế) | | | | |

II. GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁCH TÍNH CÁC KHOẢN MỤC CHI PHÍ CHO MỘT ĐƠN VỊ SẢN PHẨM HÀNG HÓA

1. Chi phí sản xuất
2. Chi phí bán hàng
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp
4. Chi phí tài chính
5. Lợi nhuận dự kiến
6. Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)
7. Thuế giá trị gia tăng (nếu có)
8. Giá bán (đã có thuế)

2. Tiếp nhận, rà soát Biểu mẫu kê khai giá sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi thuộc đối tượng do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh sách gửi Biểu mẫu kê khai giá đến Sở Công Thương tỉnh Bình Phước theo quy định tại Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

a. Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện tại Trung tâm hành chính công của tỉnh.

- Bước 2: Sở Công Thương xử lý hồ sơ và thẩm định.

+ Trong thời hạn 02 ngày thẩm định Trường hợp kết quả không đạt, phải có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi có kết quả thẩm định “Đạt”, Sở Công Thương đóng dấu công văn đến có ghi ngày, tháng, năm vào biểu mẫu đăng ký.

- Bước 4: Đến ngày hẹn, Tổ chức, cá nhân đến nhận kết quả tại Bộ phận hành chính công chuyên ngành Công Thương.

b. Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm hành chính công của tỉnh, hoặc gửi qua đường bưu điện.

c. Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

(1) Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư.

+ Đối với trường hợp Biểu mẫu gửi qua đường thư điện tử: Bản scan Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT (trong đó các nội dung về Công văn gửi Biểu mẫu kê khai giá; Bảng kê khai mức giá) hoặc Thông báo mức giá tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư.

(2) 01 phong bì có dán tem, ghi rõ: tên, địa chỉ của thương nhân, họ tên và số điện thoại của người trực tiếp có trách nhiệm của đơn vị;

* Số lượng: 02 bộ.

d. Thời hạn giải quyết:

03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

d. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

Thương nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi; thương nhân bán lẻ sản phẩm sữa và thực phẩm chức năng dành cho

trẻ em dưới 06 tuổi trong trường hợp bán giá cao hơn giá bán lẻ khuyến nghị đã kê khai với cơ quan chức năng.

e. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Công Thương.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Phòng Quản lý Thương mại

g. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Được mua, bán theo giá đã kê khai.

h. Lệ phí: Không

i. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Biểu mẫu kê khai giá theo hướng dẫn tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2017/TT-BCT.

j. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Trong thời gian nhà nước không áp dụng biện pháp bình ổn giá.

k. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Giá số 11/2012/QH13;
- Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
- Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
- Thông tư số 08/2017/TT-BCT ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Công Thương quy định về đăng ký giá, kê khai giá sửa và thực phẩm chức năng dành cho trẻ em dưới 06 tuổi.

Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.

Phụ lục số 2:
MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

Số/.....

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ
bán trong nước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá...)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị kê khai giá) gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày .../... /

... (tên đơn vị kê khai giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai./.

| | |
|---|--|
| Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: | THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ (Ký tên, đóng dấu) |
|---|--|

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Văn bản kê khai giá của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Văn bản kê khai giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
kê khai giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Mức giá kê khai (bán buôn, bán lẻ): Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

| ST T | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá kê khai hiện hành | Mức giá kê khai mới | Mức tăng/ giảm | Tỷ lệ tăng/ giảm | Ghi chú |
|---------|--------------------------------|-------------------------------|-------------------|---------------------------------|---------------------------|----------------------|------------------------|------------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Phân tích nguyên nhân, nêu rõ biến động của các yếu tố hình thành giá tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá.

3. Ghi rõ các chính sách và mức khuyến mại, giảm giá hoặc chiết khấu đối với các đối tượng khách hàng, các điều kiện vận chuyển, giao hàng, bán hàng kèm theo mức giá kê khai (nếu có).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá kê khai là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có) đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm. Trường hợp lần đầu thực hiện kê khai giá với cơ quan quản lý nhà nước về giá đối với sản phẩm mới thì gửi kèm theo Bảng xây dựng hình thành mức giá bán hàng hóa, dịch vụ.

Doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu kê khai giá bán lẻ khuyến nghị cùng với giá bán buôn thực tế của doanh nghiệp.

Phụ lục số 3:
MẪU THÔNG BÁO MỨC GIÁ

Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

V/v thông báo mức giá điều
chỉnh tăng, giảm giá hàng
hóa, dịch vụ bán trong nước
trong phạm vi 5% so với
mức giá đã kê khai hoặc
thông báo liền kề trước đó

....., ngày ... tháng ... năm

Kính gửi:(tên cơ quan tiếp nhận Biểu mẫu thông báo giá....)

Thực hiện Thông tư số ngày của Bộ Công Thương.

... (tên đơn vị thông báo giá) thông báo mức giá sửa hoặc thực phẩm chức năng bán trong nước điều chỉnh trong phạm vi 5% so với mức giá đã kê khai hoặc thông báo liền kề trước đó (Bảng thông báo mức giá đính kèm).

Mức giá này thực hiện từ ngày/.... /

... (tên đơn vị thông báo giá) xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

- Họ tên người nộp Biểu mẫu:.....
- Địa chỉ đơn vị thông báo giá:.....
- Số điện thoại liên lạc:.....
- Email:.....
- Số fax:

Ghi nhận ngày nộp Thông báo mức giá của cơ quan tiếp nhận

(Cơ quan tiếp nhận Văn bản kê khai giá ghi ngày, tháng, năm nhận được Thông báo mức giá và đóng dấu công văn đến)

Tên đơn vị thực hiện
thông báo giá

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng... năm

**BẢNG THÔNG BÁO GIÁ BÁN LẺ
TRONG NƯỚC**

(Kèm theo công văn số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....)

1. Thông báo giá bán lẻ trong nước: Các mức giá tại các địa bàn, khu vực khác nhau (nếu có).

| STT | Tên hàng hóa, dịch vụ | Quy cách, chất lượng | Đơn vị tính | Mức giá kê khai/thông báo liền kề trước | Mức giá thông báo | Mức tăng/giảm | Tỷ lệ tăng/giảm | Ghi chú |
|-----|-----------------------|----------------------|-------------|---|-------------------|---------------|-----------------|---------|
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |
| | | | | | | | | |

2. Mức giá thông báo này thực hiện từ ngày / /

Ghi chú:

Mức giá thông báo là mức giá bán dự kiến đã trừ chiết khấu, giảm giá (nếu có), đã bao gồm thuế giá trị gia tăng cho 01 đơn vị sản phẩm.